

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST

Ngày: 23-3-2022.

“V/v tranh chấp về kinh doanh, thương
mại hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Kiều.
2. Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/3 và 23/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2021/TLST-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp về kinh doanh, thương mại - hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2021/QĐXXST-KDTM ngày 06/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ: Ông Bùi Thanh S, sinh năm 1973. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Thanh S: Ông Thái Việt P, sinh năm 1972. Chức vụ: Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ.

Cùng địa chỉ: Số 12-14, đường Hùng Vương, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H - Chủ . Địa chỉ: Số 616, Quốc lộ 30, Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Hồng M, sinh năm 1959

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bà Trần Thúy U, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 616, Quốc lộ 30, Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

(Ông Thái Việt P và ông Nguyễn Thanh H có mặt; bà Lê Thị Hồng M và bà Trần Thúy U vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Thái Việt P đại diện Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ trình bày:

Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ có cho ông Nguyễn Thanh H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại nông sản H (sau đây gọi tắt là DNTN H) vay vốn để thực hiện dự án Cơ sở chế biến nông sản sấy khô H theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2016/HĐTD-QĐTPT ngày 11/3/2016, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05.1/2017/HĐTD-QĐTPT ngày 11/01/2017 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung 03.2/2020/HĐTD-QĐTPT ngày 12/3/2020. Cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng đầu tư.

Mức vốn vay theo các hợp đồng tín dụng là 2.650.000.000 đồng. Số vốn đã giải ngân thực tế 2.644.025.000 đồng, thời hạn vay: 06 năm (kể từ ngày rút vốn lần đầu), được gia hạn thêm 01 năm do ảnh hưởng của Covid 19, lãi suất nợ trong hạn 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn tính trên nợ gốc và lãi chậm trả 150% lãi suất nợ trong hạn, kỳ hạn trả nợ gốc 3 tháng/kỳ (ngày 12/3/2020 ký hợp đồng điều chỉnh trả nợ gốc hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 25/8/2020), kỳ hạn trả lãi hàng tháng. Ngày đến hạn trả nợ của hợp đồng là ngày 15/3/2022 nhưng trong quá trình thực hiện bị đơn không trả nợ đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện.

2. Tài sản thế chấp gồm:

2.1. Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 03.1/2016/HĐTCTS ngày 11/3/2016 ký giữa Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ với DNTN H.

Tài sản thế chấp là các tài sản hình thành từ vốn vay của dự án Cơ sở chế biến nông sản sấy khô H (hạng mục dây chuyền máy móc thiết bị gồm: hệ thống kho lạnh 20 tấn, máy sấy, máy ép liên tục, máy ly tâm tách dầu, hệ thống l2 hơi, thùng lọc và hạng mục nhánh rẽ và trạm biến áp 3P-260KVA).

2.2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03.2/2016/HĐTCQSĐĐ ngày 11/3/2016 ký giữa Quỹ Đầu tư phát triển Đ với ông Nguyễn Thanh H.

- Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ CH01201206 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Thanh H ngày 27/7/2012, thửa 399, tờ bản đồ số 7, diện tích 3081m², đất trồng lúa nước, đất tọa lạc tại Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Đ.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01207 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Thanh H ngày 27/7/2012, thửa đất số 384, tờ bản đồ số 7, diện tích 3775m², đất trồng cây lâu năm 1025m², đất tọa lạc tại Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Đ.

2.3. Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01.03.2017/HĐTCTS ngày 16/01/2017 ký giữa Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ với DNTN H.

Tài sản thế chấp là hình thành trong tương lai của dự án Cơ sở chế biến nông sản sấy khô H (gồm 02 máy sấy chân không công suất 70kg/giờ).

Từ tháng 3/2016 đến tháng 4/2021, DNTN H đã trả được: Khoản gốc 1.209.869.000 đồng và lãi 669.861.000 đồng. Tổng cộng 1.879.730.000 đồng. Đến ngày 30/4/2021 tổng số nợ còn lại là: Gốc 1.434.156.000 đồng (trong đó nợ quá hạn là 617.320.200 đồng); lãi 358.270.000 đồng, tổng cộng 1.792.426.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ yêu cầu ông Nguyễn Thanh H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại nông sản H trả cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 30/4/2021 là 1.792.426.000 đồng (gồm vốn gốc 1.434.156.000 đồng và lãi 358.270.000 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/5/2021 đến ngày trả xong nợ vay theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2016/HĐTD-QĐTPT ngày 11/3/2016, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05.1/2017/HĐTD-QĐTPT và hợp đồng sửa đổi bổ sung 03.2/2020/HĐTD-QĐTPT ngày 12/3/2020. Với mức lãi suất: Lãi suất nợ trong hạn 9%/năm. Lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất nợ trong hạn.

Quá trình giải quyết vụ án, Doanh nghiệp có trả một phần tiền lãi cho Quỹ Đầu tư. Tại phiên tòa, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ yêu cầu ông Nguyễn Thanh H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại nông sản H trả cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 11/3/2022 là 1.837.677.000 đồng (gồm vốn gốc 1.290.656.000 đồng và lãi 547.021.000 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/3/2022 đến ngày trả xong nợ vay theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2016/HĐTD-QĐTPT ngày 11/3/2016, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05.1/2017/HĐTD-QĐTPT và hợp đồng sửa đổi bổ sung 03.2/2020/HĐTD-QĐTPT ngày 12/3/2020. Với mức lãi suất: Lãi suất nợ trong hạn 9%/năm. Lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất nợ trong hạn. Yêu cầu Tòa án công nhận các hợp đồng thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ:

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 03.1/2016/HĐTCTS ngày 11/3/2016 ký giữa Quỹ Đầu tư phát triển Đ với DNTN H.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03.2/2016/HĐTCQSĐĐ ngày 11/3/2016 ký giữa Quỹ Đầu tư phát triển Đ với ông Nguyễn Thanh H.

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01.03.2017/HĐTCTS ngày 16/02/2017 ký giữa Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ với Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại nông sản H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại nông sản H trình bày:

Ông Nguyễn Thanh H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại nông sản H thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về các khoản vay, tiền lãi và tài sản thế chấp. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng do tình hình hậu Covid-19, làm ăn khó khăn nên yêu cầu được trả dần hàng tháng với số tiền tối thiểu là 15.000.000 đồng cho đến khi trả hết tiền nợ.

Bà Lê Thị Hồng M và bà Trần Thúy U không có ý kiến về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật về tổng đạt văn bản tố tụng, đảm bảo tính khách quan, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước và tại phiên tòa. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 1.290.656.000 đồng và lãi 473.739.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả là 73.282.000 đồng.

Công nhận các hợp đồng thế chấp gồm:

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 03.1/2016/HĐTCTS ngày 11/3/2016 ký giữa Quỹ Đầu tư phát triển Đ với DNTN H.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03.2/2016/HĐTCQSDĐ ngày 11/3/2016 ký giữa Quỹ Đầu tư phát triển Đ với ông Nguyễn Thanh H.

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01.03.2017/HĐTCTS ngày 16/02/2017 ký giữa Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ với Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại nông sản H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại – tín dụng giữa tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, các đương sự có thỏa thuận chọn Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ theo quy

định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tư cách đương sự: Theo Công văn số: 3214/SKHĐT-ĐKKD ngày 08/12/2021 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ thì Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại nông sản H do ông Nguyễn Thanh H là chủ doanh nghiệp và là người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp, vẫn còn tồn tại trên cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký Doanh nghiệp. Do đó, bị đơn tham gia tố tụng với tư cách là ông Nguyễn Thanh H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại nông sản H. Đối với bà Lê Thị Hồng M là mẹ của ông H là người đang quản lý, sử dụng phần đất đang thế chấp, bà Trần Thúy U là vợ của ông H cùng với ông H ký tên vào hợp đồng thế chấp và hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 384, 399, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp 3, xã L, huyện C tại Quỹ Đầu tư nên bà M và bà U tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bà Lê Thị Hồng M, bà Trần Thúy U đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ yêu cầu ông Nguyễn Thanh H - Chủ DNTN H trả cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ tổng số nợ gốc còn thiếu tính đến ngày 11/3/2022 là 1.290.656.000 đồng.

Căn cứ hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2016/HĐTD-QĐTPT ngày 11/3/2016, hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05.1/2017/HĐTD-QĐTPT và hợp đồng sửa đổi bổ sung 03.2/2020/HĐTD-QĐTPT ngày 12/3/2020 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông Nguyễn Thanh H - Chủ DNTN H còn nợ Quỹ Đầu tư phát triển Đ tiền vốn là 1.290.656.000 đồng, việc này cũng được ông H thừa nhận tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 06/12/2021 và tại phiên tòa nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, bị đơn cho rằng do tình hình hậu Covid-19, làm ăn khó khăn nên yêu cầu được trả dần hàng tháng với số tiền tối thiểu là 15.000.000 đồng cho đến khi trả hết tiền nợ và ông H cũng yêu cầu cho ông thời gian để ông đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đ tác động đến Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ cho ông gia hạn thời gian trả nợ, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ không đồng ý cho DNTN H gia hạn thời gian trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ đã tạo điều kiện cho ông Nguyễn Thanh H - Chủ DNTN H có thời gian đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đ tác động đến Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ cho DNTN H gia hạn thời gian trả nợ nhưng tại văn bản số 819/VPUBND-KT ngày 27/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trả lời kiến nghị của DNTN H trả lời như sau: “...*Giao Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh tiếp tục thực hiện các thủ tục thu hồi nợ quá hạn theo đúng quy định...*”. Tại phiên tòa, ông Thái Việt P đại diện Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ cho rằng vào năm 2020 Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ đã khởi

kiện DNTN H yêu cầu trả số nợ trên nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 làm ăn không hiệu quả nên Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ đã gia hạn thời gian trả nợ cho DNTN H là 01 năm và ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03.2/2020/HĐTD-QĐTPT ngày 12/3/2020, gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 15/3/2022 nhưng trong thời gian thực hiện hợp đồng DNTN H không trả nợ đúng hạn nên Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ khởi kiện yêu cầu DNTN H trả nợ theo hợp đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên chấp nhận, buộc ông Nguyễn Thanh H – Chủ DNTN H có trách nhiệm trả cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ số tiền vốn vay là 1.290.656.000 đồng.

Xét tiền lãi: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ yêu cầu ông Nguyễn Thanh H - Chủ DNTN H trả cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ tiền lãi đến ngày 11/3/2022 là 547.021.000 đồng, trong đó lãi trong hạn là 338.175.000 đồng, lãi quá hạn 135.564.000 đồng và lãi chậm trả là 73.282.000 đồng. Căn cứ Điều 4 của Hợp đồng quy định lãi suất trong hạn là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn bao gồm lãi tính trên nợ gốc và lãi chậm trả. Tuy nhiên, bảng chiết tính lãi ngày 10/3/2022 của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ cung cấp thì vừa tính lãi quá hạn vừa tính lãi chậm trả là chưa phù hợp Điều 4 của Hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2016/HĐTD-QĐTPT ngày 11/3/2016. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của Quỹ Đầu tư về tiền lãi, buộc ông Nguyễn Thanh H – Chủ DNTN H có trách nhiệm trả cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ số tiền lãi là 473.739.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ đối với tiền lãi chậm trả là 73.282.000 đồng.

[3] Xét hợp đồng thế chấp: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ yêu cầu xem xét các hợp đồng thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ: Căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 03.1/2016/HĐTCTS ngày 11/3/2016; số 03.2/2016/HĐTCQSDĐ ngày 11/3/2016; số 01.03.2017/HĐTCTS ngày 16/02/2017 giữa Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ với DNTN H thể hiện hai bên có ký kết hợp đồng thế chấp các tài sản gồm:

- Hợp đồng số 03.1/2016/HĐTCTS ngày 11/3/2016, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng số 03.2/2016/HĐTCQSDĐ ngày 11/3/2016, thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01206, thửa 399, tờ bản đồ số 7; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01207, thửa 384, tờ bản đồ số 7, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/7/2012, đất tọa lạc tại ấp 3, xã L, huyện C;

- Hợp đồng số 01.03.1/2017/HĐTCTS ngày 16/01/2017, thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của dự án là cơ sở chế biến nông sản sấy khô H gồm hai máy sấy chân không công suất 70kg/giờ.

Hội đồng xét xử xét thấy các hợp đồng trên đều được nguyên đơn và bị đơn thừa nhận, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện kiểm sát là có căn cứ như đã phân tích trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 278, 280, 292, 293, 299, 303, 304, 317, 318, 323, 353, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Các Điều 91, 95 của Luật Tổ chức tín dụng; Điều 183 của Luật Doanh nghiệp năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ.

Buộc ông Nguyễn Thanh H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại nông sản H có trách nhiệm trả cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ số tiền vốn vay là 1.290.656.000 đồng và tiền lãi là 473.739.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 1.764.395.000 đồng.

Kể từ ngày 12/3/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu các khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ theo quyết định của Toà án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ.

Trường hợp ông Nguyễn Thanh H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại nông sản H không có khả năng thi hành án hoặc thi hành án không đủ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ như bản án đã tuyên thì tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 03.1/2016/HĐTCTS ngày 11/3/2016; số 03.2/2016/HĐTCQSDĐ ngày 11/3/2016; số 01.03.2017/HĐTCTS ngày 16/02/2017 được ký kết giữa Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ với Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại nông sản H sẽ được kê biên phát mãi để thi hành án xong nợ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ theo quy định của pháp luật.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại nông sản H phải có trách nhiệm chịu 64.932.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ phải có trách nhiệm chịu 3.664.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 33.786.000 theo các biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0015596 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đ. Như vậy, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đ còn được nhận lại số tiền 30.122.000 đồng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh